

TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 08/NQ-HĐND TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

ĐỰ ÁN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT NĂM 2020 (số liệu tính đến ngày 31/01/2022)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-ĐGS ngày /3/2022 của Đoàn Giám sát HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt theo dự án (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)		Đã giải ngân (đồng)		Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú	
					Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021			
A	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP			14,400,423,854	4,720,560,000	5,512,005,964	4,260,383,056	4,186,374,440			
I	ĐỰ ÁN CẤP TỈNH			2,279,135,892	758,560,000	851,613,964	754,749,016	701,689,440			
1	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Bí đỏ của HTX Sang Hà	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Sang Hà	30,000,000	30,000,000		27,200,000		2020-2022	HTX Sang Hà đã hợp đồng với Công ty TNHH Công nghệ AQUAFISH thực hiện tư vấn liên kết	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (Máy móc phục vụ sản xuất)	HTX Sang Hà (các hộ dân tham gia liên kết)	45,000,000							
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông									Không thực hiện trong dự án
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường	Các hộ dân tham gia liên kết tại các xã Phúc Lộc, huyện BaBể, Thị trấn Nà Phặc, xã Hiệp	60,000,000	20,000,000	40,000,000	20,000,000	16,760,000			
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm	Lục huyện Ngân Sơn; và xã Vi Hương huyện Bạch	900,000,000	300,000,000	290,938,400	300,000,000	200,911,189			

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt theo dự án (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)		Đã giải ngân (đồng)		Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú	
					Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021			
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi								Không thực hiện trong dự án	
		Tổng cộng		1,035,000,000	350,000,000	330,938,400	347,200,000	217,671,189			
2	Dự án Phát triển sản xuất liên kết sản xuất và tiêu thụ khoai tây nguyên liệu của Công ty cổ phần sản xuất thương mại Tân Nông	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	C. Ty CPSX thương Mại Tân Nông	145,901,800	104,000,000	26,522,000	103,585,800	26,522,000	2020-2022		
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết								Không thực hiện trong dự án	
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông	C. Ty CPSX thương Mại Tân Nông và các hộ dân tham gia liên kết	194,393,300		194,393,300		175,182,000			
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường									Không thực hiện trong dự án
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm	C. Ty CPSX thương Mại Tân Nông và các hộ dân tham gia liên	899,280,792	300,000,000	299,760,264	299,403,216	282,314,251			

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt theo dự án (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)		Đã giải ngân (đồng)		Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
					Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi	Các hộ dân tham gia liên kết	4,560,000	4,560,000	4,560,000				
		Tổng cộng		1,244,135,892	408,560,000	520,675,564	407,549,016	484,018,251		
II	DỰ ÁN CẤP HUYỆN			12,121,287,962	3,962,000,000	4,660,392,000	3,505,634,040	3,484,685,000		
1	HUYỆN CHỢ ĐÒN			5,452,792,200	1,670,000,000	2,238,003,900	1,644,410,000	1,862,335,000		
1.1	Dự án liên kết sản xuất gắn với sơ chế, chế biến tiêu thụ chè hoa vàng	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Hòa Thịnh và các hộ dân tham gia liên kết	1,155,630,000	70,500,000	50,000,000	70,500,000	50,000,000	2020-2022	Không thực hiện trong dự án
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết			6,420,000	340,000,000	6,420,000			
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông				60,550,000		35,950,000		
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			13,000,000		13,000,000			
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			210,080,000	293,620,000	210,080,000	293,620,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi								

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt theo dự án (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)		Đã giải ngân (đồng)		Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
					Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021		
1.3	Liên kết sản xuất gắn với sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gạo bao thai Chợ Đồn	Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường	HTX Hồng Luân và 70 hộ dân tham gia liên kết		13,923,600		13,923,600			
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			229,300,000	201,300,000	205,300,000	201,298,000		
		Hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi								
		Tổng cộng				1,038,684,800	300,000,000	222,092,400		
1.4	Liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm thịt	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX rượu men lá Thanh Tâm	1,145,966,900	68,267,500	10,844,000	68,267,500	10,844,000	2020-2022	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết			31,732,500		31,732,500			
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông				124,388,000		118,238,000		
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường					5,000,000			

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt theo dự án (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)		Đã giải ngân (đồng)		Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú	
					Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021			
	lợn	Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000	300,000,000	300,000,000	300,000,000			
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi									
		Tổng cộng				1,145,966,900	400,000,000	440,232,000			400,000,000
1.5	Dự án chuỗi liên kết nuôi lợn thịt bản địa (lợn rừng lai) thương phẩm	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Quỳnh Trang	1,192,510,500	45,404,000	26,754,000	45,404,000	26,754,000	2020-2022		
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết				21,000,000		21,000,000			
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông					183,755,500				178,839,000
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường				4,596,000		4,596,000			
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm				300,000,000	300,000,000	300,000,000			300,000,000
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi									
		Tổng cộng				1,192,510,500	350,000,000	531,509,500			350,000,000
2	HUYỆN NA RÌ			2,432,610,062	900,000,000	783,672,000	557,088,040	81,670,000			

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt theo dự án (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)		Đã giải ngân (đồng)		Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
					Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021		
2.2	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ớt	Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường	HTX Thiên Phú và các hộ dân tham gia liên kết	900,000,000					2020-2022	Đã giải ngân năm 2020, năm 2021 không thực hiện do hạn hán, không trồng được, cây giống bị chết
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000	300,000,000	60,943,640			
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi								
		Tổng cộng				900,000,000	300,000,000	300,000,000		
2.3	Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm từ cây dược liệu (cây cà gai leo, xạ đen)	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Văn Lang HT và các hộ dân tham gia liên kết	482,610,062					2020-2022	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết								
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông								
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường								
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000	93,672,000	196,144,400	81,670,000		

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt theo dự án (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)		Đã giải ngân (đồng)		Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
					Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021		
		Hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi								
		Tổng cộng		482,610,062	300,000,000	93,672,000	196,144,400	81,670,000		
3	Huyện Ba Bể			1,679,280,000	420,000,000	959,280,000	420,000,000	959,280,000		
3.1	Dự án liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm Chăn nuôi lợn thịt theo hướng hữu cơ của HTX Nhung Lũy	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết							2020-2022	Không thực hiện trong dự án
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết	HTX Nhung Lũy	779,280,000	120,000,000	659,280,000	120,000,000	659,280,000		
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông								
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường								
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm	HTX Nhung Lũy	900,000,000	300,000,000	300,000,000	300,000,000	300,000,000		
		Hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi	HTX Nhung Lũy và các hộ dân tham gia liên kết							

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt theo dự án (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)		Đã giải ngân (đồng)		Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
					Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021		
4.2	kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thảo dược của HTX Thiên An	Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường	HTX Thiên An và các hộ dân tham gia liên kết	635,930,000					2020-2022	
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000	80,030,000	291,999,000	38,550,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi								
		Tổng cộng		635,930,000	300,000,000	80,030,000	291,999,000	38,550,000		
5	Huyện Chợ Mới			841,112,000	302,000,000	274,680,000	289,352,000	255,080,000		
5.1	Phát triển chăn nuôi gia cầm gắn với liên kết bao tiêu sản phẩm của HTX Linh Ngọc	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Linh Ngọc và các hộ dân tham gia liên kết	841,112,000	40,000,000		35,760,000		2020-2022	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết								
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông								
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			2,000,000		1,200,000			
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			260,000,000	274,680,000	252,392,000	255,080,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi								

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt theo dự án (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)		Đã giải ngân (đồng)		Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
					Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021		
		Tổng cộng		841,112,000	302,000,000	274,680,000	289,352,000	255,080,000		

TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 08/NQ-HĐND TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

DỰ ÁN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT NĂM 2021 (số liệu tính đến hết 31/01/2022)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-ĐGS ngày /3/2022 của Đoàn Giám sát HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)	Kinh phí giải ngân năm 2021 (đồng)	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
A	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP			16,746,775,382	7,350,002,900	4,787,318,420		
I	DỰ ÁN CẤP TỈNH			2,310,924,000	1,180,604,000	720,482,000		
1	Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm Lợn thịt thương phẩm của Hợp tác xã Huy Ngọc	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Huy Ngọc	84,483,000	57,961,000	57,961,000	2021-2023	HTX Huy Ngọc đã hợp đồng với Trung tâm Khuyến nông thực hiện tư vấn liên kết
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						Không thực hiện trong dự án
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông		166,629,000				
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường	HTX Huy Ngọc và các hộ dân tham gia liên kết	4,350,000	4,350,000	2,280,000		
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm		900,000,000	300,000,000	300,000,000		
		Hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						Không thực hiện trong dự án
Tổng cộng				1,155,462,000	362,311,000	360,241,000		
2	Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ lợn thương phẩm siêu nạc câu Hợp tác xã Bánh Chung xanh	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Huy Ngọc	84,483,000	57,961,000	57,961,000	2021-2023	HTX Bánh chung xanh đã hợp đồng với Trung tâm Khuyến nông thực hiện tư vấn liên kết
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						Không thực hiện trong dự án
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông		166,629,000				

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)	Kinh phí giải ngân năm 2021 (đồng)	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
2		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường	HTX Huy Ngọc và các hộ dân tham gia liên kết	4,350,000	4,350,000	2,280,000		
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm		900,000,000	300,000,000	300,000,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi				Không thực hiện trong dự án		
	Tổng cộng			1,155,462,000	362,311,000	360,241,000		
3	Dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trâu sinh sản của hợp tác xã Truyền Nhi	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Truyền Nhi và các hộ dân		100,000,000		2021-2025	Đã hủy bỏ danh mục dự án tại Quyết định 2222/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 do hợp tác xã xin rút không thực hiện dự án
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết		41,577,000				
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường		17,500,000				
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm		296,905,000				
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
	Tổng cộng			0	455,982,000	0		
II	DỰ ÁN CẤP HUYỆN			14,435,851,382	6,169,398,900	4,066,836,420		
1	Thành phố BK			2,038,800,200	688,646,800	344,000,000		
1.1	Dự án sản xuất, chế biến, tiêu thụ nấm ăn, nấm dược liệu	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Minh Anh và các hộ dân tham gia liên kết	808,800,200	49,646,800		2021-2023	Năm 2021 thực hiện không đảm bảo quy mô hỗ trợ, xin chuyển sang thực hiện từ năm 2022 và đã được UBND tỉnh đồng ý
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			54,000,000			
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			235,000,000			
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
	Tổng cộng			808,800,200	338,646,800	-		

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)	Kinh phí giải ngân năm 2021 (đồng)	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
1.2	Dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nghệ Bắc Kạn	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Nông nghiệp Tân Thành và các hộ tham gia liên kết	1,230,000,000	40,000,000	40,000,000	2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			10,000,000	10,000,000		
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000	294,000,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
Tổng cộng				1,230,000,000	350,000,000	344,000,000		
2	HUYỆN BẠCH THÔNG			2,501,216,352	1,206,860,300	382,551,000		
2.1	Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm từ hoa hời	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX An Bình và các hộ dân tham gia liên kết		59,392,000		2021-2023	HTX xin rút hồ sơ đề nghị hỗ trợ, không thực hiện dự án năm 2021, đề nghị chuyển năm 2022 thực hiện và đã được UBND tỉnh đồng ý
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết			105,150,000			
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			17,500,000			
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			125,000,000			
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
Tổng cộng					307,042,000	-		
2.2	Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi lợn thịt	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Hà Anh	1,099,073,000	57,961,000	57,961,000	2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết			21,690,000	21,690,000		
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			2,900,000	2,900,000		
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000	300,000,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
Tổng cộng				1,099,073,000	382,551,000	382,551,000		

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)	Kinh phí giải ngân năm 2021 (đồng)	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
2.3	Dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Lâm Dược Sơn	1,402,143,352	100,000,000		2021-2023	Do không kịp thời vụ, HTX đề nghị chuyển dự án sang năm 2022 thực hiện và đã được UBND tỉnh đồng ý
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết			99,767,300			
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			17,500,000			
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000			
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
	Tổng cộng		1,402,143,352	517,267,300	-	-		
3	HUYỆN CHỢ ĐỒN			2,538,685,530	1,157,162,500	1,109,199,400		
3.1	Chuỗi liên kết chăn nuôi dê thương phẩm	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Việt Hoàng	1,148,870,000	57,961,000	57,961,000	2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết			6,507,000	6,507,000		
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			3,280,000	3,280,000		
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000	300,000,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
	Tổng cộng		1,148,870,000	367,748,000	367,748,000	0		
3.2	Liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm gạo Japonica Chợ Đồn	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Sơn Lâm	1,265,852,530.0	100,000,000	91,436,400	2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			20,000,000	14,200,000		
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			299,622,500	266,023,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
	Tổng cộng		1,265,852,530	419,622,500	371,659,400	0		

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)	Kinh phí giải ngân năm 2021 (đồng)	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
3.3	Liên kết chăn nuôi gắn với tiêu thụ vịt siêu phẩm	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX nông nghiệp Ngọc Hải	123,963,000.0	60,792,000	60,792,000	2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			9,000,000	9,000,000		
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000	300,000,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
Tổng cộng				123,963,000	369,792,000	369,792,000	0	
4	HUYỆN CHỢ MỚI			1,963,347,700	1,208,158,900	584,976,020		
4.1	Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm Chè Trung du, Chè Shan tuyết	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	Cty CP Mộc Linh Bắc Kạn		175,939,200		2021-2023	Dự án không triển khai thực hiện năm 2021, đã xin và được UBND tỉnh chuyển sang thực hiện từ năm 2022
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			19,992,000			
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			299,127,800			
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
Tổng cộng				-	495,059,000	-		
4.2	Dự án liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm Mơ vàng	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Đoàn Kết và các hộ dân tham gia dự án	1,018,128,200	45,883,400	47,801,700	2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			12,440,000	7,440,000		
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			297,780,000	294,700,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
Tổng cộng				1,018,128,200	356,103,400	349,941,700		

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)	Kinh phí giải ngân năm 2021 (đồng)	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
4.3	Thực hiện Dự án liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm mướp đắng rừng	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX thanh niên Như Cỏ và các hộ dân tham gia liên kết	346,076,500	43,880,500		2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			4,580,000			
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			102,985,000	70,818,320		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
	Tổng cộng		346,076,500	151,445,500	70,818,320	0		
4.4	Liên kết chăn nuôi gắn với tiêu thụ sản phẩm vịt bầu cỏ xanh thương phẩm	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	Hợp tác xã Thanh Mai và các hộ dân tham gia liên kết	599,143,000	60,941,000	60,941,000	2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			5,100,000	5,100,000		
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			139,510,000	98,175,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
	Tổng cộng		599,143,000	205,551,000	164,216,000	0		
5	Huyện Ba Bể			2,846,397,000	1,038,600,000	787,000,000		
5.1	Dự án: Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ chăn nuôi bò sinh sản của HTX Phúc Ba	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Phúc Ba và các hộ dân tham gia liên kết	1,406,397,000			2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết			183,600,000			
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường						
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000	300,000,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)	Kinh phí giải ngân năm 2021 (đồng)	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
Tổng cộng				1,406,397,000	483,600,000	300,000,000		
5.2	Dự án: Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm thủy sản của HTX Thủy Sản Sông Năng Ba Bể	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Thủy Sản Sông Năng Ba Bể	1,440,000,000			2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết			255,000,000	187,000,000		
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường						
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000	300,000,000		
		Hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
		Tổng cộng				1,440,000,000		
6	Huyện Ngân Sơn			581,800,000	169,500,000	161,500,000		
6.1	Kế hoạch liên kết xây dựng vùng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm Dê trên địa bàn huyện Ngân Sơn của HTX Hợp Phát	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Hợp Phát	581,800,000	20,000,000	20,000,000	2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường						
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			149,500,000	141,500,000		
		Hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
		Tổng cộng				581,800,000		
7	Huyện Na Rì			1,965,604,600	700,470,400	697,610,000		
7.1	Dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dê thương phẩm của	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX An Diệp	1,046,144,600	69,970,400	69,970,000	2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			11,000,000	8,180,000		
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000	300,000,000		

TT	Tên dự án	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí Nhà nước được duyệt (đồng)	Kinh phí được cấp (đồng)	Kinh phí giải ngân năm 2021 (đồng)	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
	HTX An Diệp	Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
	Tổng cộng			1,046,144,600	380,970,400	378,150,000		
7.2	Dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm khoai tây của HTX Bình Minh	Hỗ trợ chi phí Tư vấn xây dựng liên kết	HTX Bình Minh	919,460,000			2021-2023	
		Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết						
		Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông						
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường			19,500,000	19,460,000		
		Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm			300,000,000	300,000,000		
		Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi						
	Tổng cộng		919,460,000	319,500,000	319,460,000			



TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 08/NQ-HĐND TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(số liệu tính đến hết 31/01/2022)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-DGS ngày /3/2022 của Đoàn Giám sát HDND tỉnh)

TT	Nội dung dự án	Đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Thời gian hỗ trợ
	Tổng số		2,267,660,000	
1	Hỗ trợ cơ sở sản xuất miền đông	HTX Tài Hoan	726,614,000	2020
2	Hỗ trợ xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm			
a	Chính sách hỗ trợ tín dụng		0	
b	Hỗ trợ 02 điểm trưng bày, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm	Cty CP Cacumin Bắc Hà (Bắc Kạn)	500,000,000	2021
		Hợp tác xã Sang Hà (Ba Bể)	500,000,000	2021
c	Bố trí kinh phí thực hiện đánh giá, xếp loại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm hàng hóa	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tham gia	472,000,000	2019-2020
3	Hỗ trợ kinh phí thẩm định, phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QCVN 01-132:2013/BNNPNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khác		69,046,000	
a	Huyện Ngân Sơn	HTX Nông nghiệp Pác Thoong HTX Hợp Phát	4,500,000	
b	Thành phố Bắc Kạn	Tổ hợp tác mơ vàng	2,520,000	
c	Huyện Na Rì	HTX trồng cây ăn quả Khuổi Nần II HTX Việt Cường HTX Hương Rừng HTX Mía đường Cường Lợi	12,830,000	
d	Huyện Chợ Đồn	HTX Tân Phong HTX rượu men lá Thanh Tâm HTX rượu Bằng Phúc	44,530,000	
đ	Huyện Bạch Thông	HTX Tiến Thành HTX An Bình HTX Hà Anh	4,666,000	